

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **81/2018/HS-PT**

Ngày: 08/10/2018

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Nguyên Tùng;

Các thẩm phán: Ông Lương Quang và ông Trần Hà.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Quang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa:
Ông Huỳnh Văn Tám - Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 08 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên, mở phiên tòa công khai để xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 78/2018/HSPT ngày 22 tháng 8 năm 2018 đối với bị cáo S, do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 39/2018/HSST ngày 19 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Phú Yên.

*** Bị cáo có kháng cáo:** S, sinh năm 1985; tại tỉnh Bình Thuận. Nơi cư trú: Khu phố 5, thị trấn h, huyện S, tỉnh Phú Yên; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa (học vấn): 7/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; giới tính: Nam; con ông Phạm Văn T, sinh năm 1964 và bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1962; tiền án: Ngày 19/01/2011 bị Tòa án nhân dân huyện SH xử phạt 01 năm 3 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 năm 06 tháng về tội “Cố ý gây thương tích”, đến nay chưa bồi thường dân sự cho các bị hại; tiền sự: Không; tạm giam từ 31/10/2017; có mặt.

*** Người bào chữa của bị cáo S:** Bà Phạm Thị Ngọt - Luật sư, Văn phòng Luật sư Nam Thái thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ: 91 Trần Văn Kiêu, phường 10, quận 6, thành phố Hồ Chí Minh; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

S biết ở tỉnh Đắk Nông có người bán cần sa nên khoảng tháng 02/2017, S đón xe khách lên tỉnh Đắk Nông mua cần sa thì gặp người phụ nữ tên Nguyễn Thị H, sinh năm 1965, tại thôn T, xã TH, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. S mua của H 300.000đồng tiền cần sa và H cho S số điện thoại di động của H là 01249.677.107 để liên lạc mua cần sa. Khi về Phú Yên, Sáng sử dụng số điện thoại 0917.732.311 gọi điện thoại cho H, sau đó Sáng thỏa thuận với H khi S cần mua cần sa thì gọi điện thoại rồi chuyển tiền trước cho H qua số tài khoản 5305205119941 của H mở tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Đắk Song, tỉnh Đắk Nông. Sau khi nhận tiền, H sẽ bỏ cần sa vào bao tải loại 05kg rồi gửi qua xe khách đến Bến xe liên tỉnh thuộc phường 8, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Khi đến Bến xe thì cần sa được bỏ vào mép cổng phía trong của Bến xe và H gọi điện thoại cho S đến nhận.

Từ khoảng tháng 02/2017 đến ngày 27/10/2017, S đã nhiều lần gọi điện cho Nguyễn Thị H để mua cần sa. S đã chuyển tiền cho H 17 lần qua số tài khoản của H tại Ngân hàng Agribank với tổng số tiền 50.200.000đồng. Trong đó, S trực tiếp chuyển 14 lần với số tiền 42.600.000đồng, Sáng nhờ Nguyễn Thị Tuyết M, sinh năm 1988, trú tại 12/4 N, phường X, thành phố T chuyển 03 lần với số tiền 7.600.000đồng. Khi S đưa tiền cho M đi chuyển giúp thì S nói với M đây là tiền làm ăn cùng bạn để mua bán phụ tùng xe mô tô. Sau khi mua cần sa của H, S đem về phòng trọ cất giấu để sử dụng và phân lẻ ra thành nhiều gói cần sa nhỏ bán cho Phạm Ngọc Kh, sinh ngày 17/10/2000; trú tại thôn P, xã H, huyện D; Bùi Lâm Kh, sinh ngày 13/8/2000; trú tại 04/3 N, phường 4, thành phố T; Lê Công H, sinh năm 1998; trú tại 02/2 NT, phường 4, thành phố T; Nguyễn Đức H, sinh năm 1996; trú tại 10/7 THD, phường 4, thành phố T; Nguyễn Hứa Th, sinh năm 1998; trú tại 21/6 LVC, phường 4, thành phố T để kiếm lời.

Khoảng 10 giờ 30 phút ngày 31/10/2017, trước quán cà phê 979 ở khu phố Chu Văn An, phường 5, thành phố T, S đang bán 01 gói cần sa cho Phạm Ngọc Kh và Nguyễn Văn S, sinh năm 1999; trú tại thôn P, xã H, huyện Đ với giá 50.000 đồng thì bị Công an Thành phố T bắt quả tang. Kiểm tra trên người của S phát hiện có 02 gói cần sa để trong túi quần Sáng đang mặc.

Qua khám xét tại nơi ở của Sáng tại tổ 8, khu phố Bà Triệu, phường 7, thành phố T, Cơ quan điều tra phát hiện và thu giữ 46 bì nilông màu trắng có diện (5.2x6)cm bên trong có chứa cành, lá, hạt thực vật khô; 02 bì nilông màu vàng, 01 bì nilông có

kích thước (33x25x18)cm và 01 bì nilông có kích thước (20x25x6)cm bên trong mỗi bì có chứa cành, lá, hạt thực vật khô.

Tại kết luận giám định số 345/GĐ-PC54 ngày 02/11/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Phú Yên xác định: Số cành, lá, thực vật khô thu giữ ngày 31/10/2017 của S có tổng trọng lượng 1002,8gam là cần sa. Cần sa nằm trong danh mục I, STT 8, Nghị định 82 ngày 19/7/2013 của Chính phủ.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 39/2018/HSST ngày 19 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Phú Yên đã tuyên S phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Áp dụng điểm b khoản 2, khoản 5 Điều 194; điểm g khoản 1 Điều 48; điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999; phạt bị cáo S 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 31/10/2017 và phạt bổ sung 10.000.000đ (Mười triệu đồng).

Ngày 31/7/2018, bị cáo S có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa, bị cáo S vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản án sơ thẩm đã tuyên.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; chấp nhận kháng cáo, sửa bản án sơ thẩm, giảm một phần hình phạt, phạt bị cáo S 08 năm tù.

Người bào chữa của bị cáo trình bày: Tại cấp phúc thẩm, ngoài tình tiết “tự thú” mà Kiểm sát viên nêu, bị cáo còn tác động gia đình nộp 10.000.000 đồng tiền phạt bổ sung và 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm, để sung công quỹ nhà nước; nên xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hơn nữa mức hình phạt mà Kiểm sát viên đã đề nghị.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Bị cáo S là người có đầy đủ năng lực nhận thức và năng lực chịu trách nhiệm hình sự, bản thân bị cáo nhận thức rõ việc mua bán trái phép chất ma túy là hành vi trái đạo đức, vi phạm pháp luật, nhưng vì lợi nhuận bất chính mà bị cáo đã bất chấp pháp luật: Từ tháng 02/2017 đến ngày 31/10/2017 bị cáo đã nhiều lần mua cần sa của Nguyễn Thị H ở tỉnh Đắk Nông về bán lại cho Phạm Ngọc Kh, Lê Công H, Nguyễn Hứa Th, Bùi Lâm Kh, Nguyễn Đức H và nhiều người nghiện khác để kiếm

lời, thì bị bắt quả tang và thu giữ 1002,8 gam cần sa. Do đó, cấp sơ thẩm đã truy tố, xét xử bị cáo S về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 2 Điều 194 Bộ luật Hình sự 1999 là có căn cứ, đúng tội.

[2] Hành vi của bị cáo không chỉ trực tiếp xâm phạm đến chế độ quản lý độc dược của Nhà nước, làm gia tăng các tệ nạn xã hội mà còn gây mất trật tự trị an - an toàn xã hội ở địa phương; bản thân bị cáo đã bị kết án, chưa được xóa án tích, nhưng không tích cực sửa chữa lỗi lầm lại tiếp tục phạm tội là thuộc trường hợp tái phạm theo điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015, nên cần xử phạt nghiêm. Tuy nhiên, sau khi phạm tội bị cáo luôn thành khẩn khai báo, tự nguyện khai báo với cơ quan tiến hành tố tụng về hành vi phạm tội của mình trước đó. Như vậy, ngoài tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 mà cấp sơ thẩm đã áp dụng, cần áp dụng thêm điểm r khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 cho bị cáo. Mặt khác, sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo đã tác động gia đình tự nguyện nộp 10.000.000 đồng tiền phạt bổ sung và 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm, để sung công quỹ nhà nước, thể hiện thái độ thực sự ăn năn hối cải. Mặc dù, bị cáo phạm tội vừa có tình tiết tăng nặng, vừa có tình tiết giảm nhẹ, nhưng tình tiết giảm nhẹ vẫn nhiều hơn tình tiết tăng nặng. Nên Kiểm sát viên và người bào chữa đều đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo, giảm cho bị cáo một phần hình phạt là có cơ sở chấp nhận.

[3] Bị cáo S kháng cáo được chấp nhận, không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[4] Đối với người phụ nữ tên Nguyễn Thị H, mà bị cáo S khai bán ma túy cho bị cáo. Cơ quan điều tra Công an thành phố T đã tiến hành điều tra, xác minh, nhưng chưa đủ căn cứ khởi tố, nên tiếp tục điều tra, thu thập chứng cứ, khi nào làm rõ xử lý sau là phù hợp.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo hoặc kháng nghị nên cấp phúc thẩm không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Phạm Công S phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”;

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Áp dụng điểm b khoản 2 khoản 5 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm

1999; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015; điểm s, r khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phạm Công S - Sửa bản án sơ thẩm.

Phạt: Bị cáo Phạm Công S - 07 (Bảy) năm 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 31/10/2017.

Phạt bổ sung bị cáo S nộp một lần 10.000.000đ (Mười triệu đồng) để sung quỹ Nhà nước; bị cáo đã nộp tại Biên lai số 0001977 ngày 29/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T.

Bị cáo S không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm đã có hiệu lực pháp luật từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Phú Yên;
- Cơ quan THAHS TP A;
- Chi cục THADS TP A;
- QCSĐT TP A;
- VKSND TP A;
- TAND TP A;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Võ Nguyên Tùng